

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tất H; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Cộng Hòa S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tất H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Đến năm 2008, anh H sang Cộng hòa Séc sinh sống và làm việc, từ đó vợ chồng xa cách, ngày càng ít liên lạc, tình cảm phai nhạt dần. Đến nay vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Tất H.

Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Tất D, sinh ngày 15/8/2003 và cháu Nguyễn Tất C, sinh ngày 26/4/2007. Ly hôn, chị N đề nghị giao con chung Nguyễn Tất C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Con chung Nguyễn Tất D đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N không biết địa chỉ của anh H tại Cộng hòa S nên không cung cấp được cho Tòa án. Chị N được biết anh H vẫn thường xuyên liên lạc cho bố đẻ của mình là ông Nguyễn Tất H1.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tất H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ ở Cộng hòa Séc của anh Nguyễn Tất H cho ông Nguyễn Tất H1 là bố đẻ của anh Nguyễn Tất H. Ông Nguyễn Tất H1 trình bày anh Nguyễn Tất H vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với ông. Ông Nguyễn Tất H1 đã thông báo cho anh H về việc chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh H, yêu cầu anh H cung cấp địa chỉ hiện tại ở Cộng hòa S và gửi lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên anh H không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án, do vậy ông H1 không thể cung cấp được địa chỉ hiện tại của anh H. Anh H trao đổi qua điện thoại với ông H1: Anh H đồng ý ly hôn với chị N do xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tất D, sinh ngày 15/8/2003 và cháu Nguyễn Tất C, sinh ngày 26/4/2007. Ly hôn, anh H đề nghị giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung Nguyễn Tất C đủ 18 tuổi, con chung Nguyễn Tất D đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của ông Nguyễn Tất H1 như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn và có với nhau 02 con chung. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H. Về con chung: Đề nghị Tòa án giải giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh H, chị N không yêu cầu giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227, Điều 228** và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tất H. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tất C, sinh ngày 26/4/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cháu Nguyễn Tất D, sinh ngày 15/8/2003 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Tất H. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Anh Nguyễn Tất H có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống ở Cộng hòa S, chị

Nguyễn Thị N hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Tất H vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp địa chỉ cho chị Nguyễn Thị N và Tòa án biết. Như vậy, trường hợp này bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, anh H đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho anh H thông qua ông Nguyễn Tất H1 nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tất H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/3/2003. Theo Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, dù được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Qua lời trình bày của bố đẻ anh H thì anh H có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân trong một thời gian dài nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Tất H.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tất D, sinh ngày 15/8/2003 và cháu Nguyễn Tất C, sinh ngày 26/4/2007, hiện đang ở với chị N. Cháu Nguyễn Tất D đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết. Anh H hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Cháu Nguyễn Tất C hiện đang ở với chị N, chị N vẫn đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dạy con, cháu Nguyễn Tất C có nguyện vọng muốn được ở với chị N. Xét, việc chị N yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Tất C cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung là Nguyễn Tất C cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc chị N tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tất H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tất H.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tất C, sinh ngày 26/4/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cháu Nguyễn Tất D, sinh ngày 15/8/2003 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị N tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000182 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Anh Nguyễn Tất H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

